

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 tháng 9 năm 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Môn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh Trần Quốc V – sinh năm 1980

HKTT: Phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B

Nơi ở hiện tại: Số 7, ngách 4, đường Lê An, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

(Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* Bị đơn: Chị Vũ Linh C – sinh năm 1991; địa chỉ: Số 25, đường Nguyễn Thị Lưu 4, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B.

(Chị C vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Quốc V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31/5/2010, anh và chị Vũ Linh C đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Việc kết hôn giữa anh và chị C là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại địa chỉ số 322 đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì anh phạm tội, phải đi chấp hành án phạt tù nên ly thân từ đó đến nay, không có bất kỳ quan hệ gì. Sau

khi ra tù, anh biết chị C đã chung sống cùng người khác. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Chị C có hộ khẩu cùng bố, mẹ đẻ tại số nhà 25, đường Nguyễn Thị Lưu 4, phường Ngô Quyền, thành phố B nhưng cả anh và gia đình chị C đều không biết chị C hiện nay đang ở đâu, làm gì, chỉ biết chị C vẫn sống trong thành phố B nhưng thay đổi địa chỉ liên tục. Thỉnh thoảng, chị C có về nhà bố mẹ đẻ thăm con.

- Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là: Trần Quốc An – sinh ngày 03/12/2010 và Trần Vũ Bảo Hân – sinh ngày 15/8/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với ông bà ngoại tại số 25, đường Nguyễn Thị Lưu 4, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện kinh doanh tự do, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/ 1 tháng, có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị C không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình làm việc với Tòa án, ông Vũ Xuân Chính là bố đẻ chị Vũ Linh C cung cấp như sau:*** Năm 2010, chị Vũ Linh C kết hôn với anh Trần Quốc V - sinh năm 1980. Hôn nhân của chị Linh và anh V là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, chị C về làm dâu nhà anh V tại đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B. Chị C và anh V chung sống đến năm 2016 thì anh V phạm tội, phải đi tù, chị C mang hai con về sinh sống cùng vợ chồng tôi. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn thì chị C bỏ ra ngoài sống. Gia đình nhiều lần gắng hỏi chị C đang ở đâu, làm gì thì chị C không nói. Thỉnh thoảng chị C có về nhà thăm con xong lại đi ngay. Gia đình chỉ biết chị C vẫn sống trong thành phố B nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Chị C và anh V có hai con chung là cháu Trần Quốc An – sinh ngày 03/12/2010 và cháu Trần Vũ Bảo Hân – sinh ngày 15/8/2013. Hiện nay, cháu An và cháu Bảo Hân đang ở cùng vợ chồng ông. Nay, anh V xin ly hôn chị C, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2016.

***Quá trình làm việc với Tòa án, Tổ trưởng tổ dân phố số 2, phường Ngô Quyền, thành phố B cung cấp:*** Anh Trần Quốc V và chị Vũ Linh C kết hôn từ năm 2010, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn thì chị C về chung sống với anh V. Từ năm 2016, chị C đưa hai con về chung sống với bố mẹ đẻ tại địa phương. Tuy nhiên, chị C thường xuyên đi vắng, thỉnh thoảng có về xong lại đi ngay. Chị C không báo với địa phương hiện nay ở đâu, làm gì. Hai con chung của chị C và anh V hiện đang ở cùng bố, mẹ đẻ của chị C. Địa phương không biết chị C hiện nay ở đâu, làm gì.

Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C đều vắng mặt không lý do, không nộp bản tự khai và bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa ngày 11/9/2020, do chị C vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C tiếp tục vắng mặt không lý do. Anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc V được ly hôn với chị Vũ Linh C.

+ Về con chung: Giao anh V nuôi cả hai con chung là Trần Quốc An – sinh ngày 03/12/2010 và Trần Vũ Bảo Hân – sinh ngày 15/8/2013. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trần Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vẫn sống trong thành phố B, thỉnh thoảng có về thăm con xong lại đi ngay. Gia đình nhiều lần hỏi địa chỉ nhưng chị C không nói, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị C không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên tòa. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị C đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Quyền, thành phố B ngày 31/5/2010, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh V và chị C chung sống đến năm 2016 thì anh V phải đi chấp hành án tù nên ly thân từ đó đến nay, không còn quan

hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị C đều vắng mặt, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh V về việc ly hôn chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai của anh V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định anh V và chị C có hai con chung là Trần Quốc An – sinh ngày 03/12/2010 và Trần Vũ Bảo Hân – sinh ngày 15/8/2013. Hai con chung hiện đang sống cùng ông, bà ngoại, chị C không trực tiếp chăm sóc con, thường xuyên vắng nhà. Yêu cầu được nuôi cả hai con chung của anh V là phù hợp với nguyện vọng của các con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh V xác định không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc V được ly hôn chị Vũ Linh C.

2. Về con chung: Giao anh Trần Quốc V nuôi hai con chung là Trần Quốc An – sinh ngày 03/12/2010 và Trần Vũ Bảo Hân – sinh ngày 15/8/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Chị Vũ Linh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Trần Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0001355 ngày 22/6/2020 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Ngô Quyền, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**